

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

(Phần Hạ)

Tất cả pháp phi quyền phi thật: Văn nói “Không như không dị”, lại nói “Cũng không hành pháp thượng trung hạ, pháp hữu vi vô vi, thật không thật”. Không hư không thật, là như thật tướng. Nếu tất cả pháp đều quyền, thì có pháp nào mà không phá? Dù khiến trăm ngàn vị sư, mỗi một vị sư tạo trăm ngàn thứ thuyết, cũng đều là quyền. Những điều Như Lai thuyết, cũng là quyền, huống là thầy của con người thuyết thì đâu được chẳng quyền? Như trước đã nói cái gì nêu ra đều là quyền. Nếu tất cả pháp đều thật, thì có chỗ nào mà không phá? Chỉ một sự này thật, có cái thứ hai nào khác thì không phải chân. Chỉ một đạo cứu cánh, đâu được nhiều đạo cứu cánh! Như trước nêu, các sư đều phá nhập thật, đâu lại giữ gìn sào huyết kia ư? Nếu tất cả pháp cũng quyền cũng thật, thì có pháp nào mà không phá? Tất cả đều có quyền có thật, đâu được tự cho là một đường chẳng phải đường khác, hiểu khác. Trong mỗi một pháp đều có quyền thật, không được hoàn toàn quyền hoàn toàn thật. Nếu tất cả pháp phi quyền phi thật, thì có pháp nào mà không phá? Sao lại phân vân, gương sinh mà kiến lập pháp? Dù chỉ diễn tả theo lệ thường mà còn như đây, xa xem sự mâu nhiệm rộng rãi minh mông sáng suốt theo như đây, huống chi luận về chỉ thú ư! Nay căn cứ câu “có quyền có thật” lại chia làm mười pháp. Trong mười pháp làm tám phen giải thích:

1. Nêu tên mười pháp.
2. Sinh khởi.
3. Giải thích.
4. Dẫn chứng.
5. Kết mười pháp làm ba thứ quyền thật.
6. Phân biệt ba thứ quyền thật chiếu ba thứ nhị đế.
7. Căn cứ các kinh xét quyền thật.
8. Căn cứ Bản Tích xét quyền thật.

1. *Nêu tên mười pháp*: Sự lý, lý giáo, giáo hạnh, phước thoát, nhân quả, thể dụng, tiệm đốn, khai hợp, thông biệt, Tất-đàn, tức là mười thứ danh.

2. *Sinh khởi*: Từ gốc Vô trụ mà lập tất cả pháp. Vô trụ là lý, tất cả pháp là sự. Có lý sự, cho nên có giáo. Do giáo cho nên có hạnh. Do hạnh cho nên có phước thoát. Do thoát cho nên thành nhân quả. Do quả cho nên hiển bày thể dụng. Do có dụng cho nên có giáo hóa tiệm đốn. Do khai tiệm đốn cho nên có khai hợp. Do có khai hợp cho nên có lợi ích thông biệt. Do phân biệt hai thứ lợi ích cho nên có tứ Tất-đàn. Đó gọi là mười chương thứ tự...

3. *Giải thích*: Lý là chân như, chân như vốn tịnh, dù có Phật hay không Phật thì nó vẫn thường không biến đổi, nên gọi lý là thật. Sự là các tâm ý thức khởi tịnh, bất tịnh nghiệp. Vì biến động bất định, nên gọi sự là quyền. Nếu không có lý, thì không thể lập sự. Nếu không có sự, thì không thể hiển lý. Sự có công hiển lý, cho nên ân cần xưng tán phương tiện. Lý giáo, gộp chung lý sự trước đều gọi là lý, thí dụ như chân tục đều gọi là đế, thể của chư Phật mà được thành Thánh, Thánh là chánh thật vậy. Muốn dùng pháp mình mà độ chúng sinh, nhân lý mà thiết lập giáo, giáo tức quyền. Không có giáo thì không thể hiển rõ lý. Hiển lý do giáo, vì vậy cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện...

Giáo hạnh: y giáo cầu lý thì sinh chánh hạnh. Hạnh có tiến thú sâu cạn sai khác, cho nên hạnh gọi là quyền. Giáo không có tiến thú sâu cạn sai khác, cho nên giáo gọi là thật. Không có giáo, thì không thể lập hạnh. Không có hạnh thì không hội nhập giáo. Hội nhập giáo do hạnh, cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện...

Phước thoát: Hạnh trái lý thì bị phước (trói buộc). Phước là hư vọng, cho nên gọi là quyền. Hạnh thuận lý thì sinh giải thoát. Giải trừ ngu tối về lý, nên gọi là thật. Không có phước, thì không do đâu mà cầu thoát. Được thoát do phước. Như nhờ vào tử thi vượt qua biển, tử thi có sức cứu giúp ta đến bờ, cho nên khen ngợi phương tiện.

Nhân quả: Nhân có tiến thú tạm thời dùng, cho nên gọi là quyền. Quả có đích cuối cùng thành tựu vĩnh viễn chứng cho nên gọi là thật. Không có quả, thì nhân không có chỗ trông mong. Không có nhân, thì quả không tự hiển bày. Đó là lấy hai loại quán làm phương tiện đạo. Đoạn Hoặc thành nhân, được nhập quả Trung đạo giải thoát. Nếu không có hai loại quán thì làm sao khế hợp với Trung đạo? Quả do nhân mà thành, nên khen ngợi phương tiện.

Thể dụng: Trước phương tiện là nhân, chánh quán nhập trụ là quả,

trụ xuất là thể dụng. Thể tức thật tướng, không có phân biệt. Dụng tức lập tất cả pháp sai khác không đồng. Như đất sinh ra hạt giống, chẳng phải đất thì không thể sinh được, không sinh thì chẳng thể hiển bày. Dựa vào dòng mà được nguồn, nhờ dụng mà biết thể. Dụng có công hiển thể, cho nên khen ngợi phương tiện.

Tiệm đốn: Tu nhân chứng quả, từ thể khởi dụng đều có tiệm đốn. Nay nêu khởi dụng. Dụng tiệm là quyền dụng, đốn là thật. Nếu chẳng có tiệm dẫn, thì không do đâu nhập đốn. Từ tiệm mà đắc thật, cho nên khen ngợi phương tiện.

Khai hợp: Từ đốn khai tiệm, tiệm tự nó không hợp cũng không hợp đốn, cho nên gọi là quyền. Tiệm khiến cứu cánh trở lại hợp với đốn, cho nên gọi là thật. Do khai cho nên hợp. Khai có lực hợp từ khai mà thọ tên, cho nên khen ngợi phương tiện.

Thông biệt lợi ích: Thông thì bán tự chữ lợi ích vô thường. Biệt thì mãn tự lợi ích thường trụ. Nhưng “Thường” giúp ích cho đạo tăng trưởng, tâm hoan hỉ thì không còn ý muốn thoái lui, cho nên dùng hóa thành để tiếp dẫn, làm cho chúng sinh tưởng là an ổn, rồi sau khi dừng ở hóa thành thì dẫn đến bảo sở. Nếu không có lợi ích của “bán” thì không hợp với thường. “Bán” có công hiển bày “mãn” cho nên khen ngợi phương tiện.

Tứ Tất-đàn: Ba thứ Tất-đàn thuộc thế gian, thì gọi là quyền. Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thuộc xuất thế gian, cho nên gọi là thật. Không có thế gian thì không có xuất thế gian, do ba thứ Tất-đàn mà được Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, vì vậy cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện. Phải dùng bốn câu giải thích mười phen về quyền thật. Ba phen là ý của các kinh khác, một phen là ý của phẩm này v.v...

4. *Dẫn chứng*: Mười nghĩa này thông cả Đại thừa, Tiểu thừa giáo, thông suốt tất cả pháp. Lại dẫn kinh này, “không như ba cõi mà thấy ba cõi”, “ba cõi” là sự, “không như ba cõi mà thấy” là lý. Các pháp vắng lặng không thể nói, là lý. Dùng sức phương tiện vì năm Tỳ-kheo mà thuyết, gọi là giáo. Nếu nghe kinh này khéo thực hành Bồ-tát đạo thì chứng giáo hạnh. Lại, việc các ông hành trì là Bồ-tát đạo, Phật tử hành đạo rồi đời sau được làm Phật. Lại, dùng các thứ nhân duyên mà cầu Phật đạo. Chỉ lìa hư vọng, gọi là giải thoát, chưa đắc nhất thiết giải thoát, tận hành tất cả đạo pháp của chư Phật thì nơi đạo tràng được thành quả... Ta dùng Phật nhãn xem thấy chúng sinh trong sáu đường, ban đầu thấy thân ta nghe ta thuyết pháp thấy đều tín thọ nhập Như Lai tuệ, trừ bỏ sự tu tập học theo Tiểu thừa trước kia v.v...

Cùng tử ban đầu trốn đi, thời gian giữa làm khách làm người hốt phân, sau cùng được giao phó gia tài; ban đầu dừng nơi hóa thành sau dẫn đến bảo sở; các thứ ham muốn, các thứ tánh tướng ức niệm... đây là dẫn thông suốt một bộ kinh để làm chứng. Nay riêng dẫn một phẩm, tuy không theo thứ lớp mười phần đầy đủ. “Trí tuệ chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí tuệ ấy khó hiểu, khó nhập”, tất cả cảnh trí sự lý ấy đều gọi là thật, thiết lập giảng giải rõ A-hàm ngôn giáo đều là trí tuệ môn. Đây là dùng chứng lý giáo mà luận quyền thật. “Khó hiểu khó nhập, hết thấy Thanh văn Bích-chi-phật không thể biết được” tức là dùng phước thoát mà luận quyền thật. “Sở dĩ vì sao? Phật từng gần gũi danh tốt vang khắp” tức là dùng giáo hạnh mà luận quyền thật. “Thành tựu pháp rất sâu... ý thú khó hiểu” tức dùng thể dụng mà luận quyền thực. “Ta từ khi thành Phật đến nay”, thành Phật tức là quả, quả ắt có nhân, tức là dùng nhân quả mà luận quyền thật. “Dùng các thứ nhân duyên thí dụ.... khiến cho xa lìa lòng chấp” tức là dùng tiêm đốn mà luận quyền thật. “Sở dĩ vì sao? Vì Như Lai đã đầy đủ phương tiện tri kiến” tức là dùng khai hợp mà luận quyền thật. “Chư Phật vì đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời, vì muốn chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”, đó là dùng lợi ích mà luận quyền thật. “Tóm yếu mà nói.... Phật thấy đều thành tựu” tức là tam Tất-đàn thành tựu. “Thôi, thôi! Không cần nói nữa” tức là đệ Nhất nghĩa Tất-đàn. Đó gọi là dùng tứ Tất-đàn mà luận quyền thật. “Sở dĩ vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có bậc nhất mà Phật thành tựu... thật tướng của các pháp” tức là lý. “Nghĩa là các pháp tướng như vậy...” tức là sự. Đó gọi là dùng lý sự mà luận quyền thật. Một đoạn trường hàng đây nêu rõ năm quyền thật của Phật, mỗi mỗi Phật đều như vậy. Song, Pháp Hoa luận giải thích: Trí tuệ của chư Phật rất sâu, vì chứng rất sâu. Rất sâu thậm thâm có năm: Nghĩa, Thật thể, Nội chứng, Y chỉ, Vô thượng. Vô thượng thậm thâm, nghĩa là chứng đại Bồ đề. Gọi “trí tuệ môn” vì thuyết nghĩa A-hàm thậm thâm, đây cùng lý giáo quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Phật từng gần gũi trăm ngàn đức Phật” là tu hành thậm thâm, “dũng mãnh tinh tấn danh tốt vang khắp” là tăng trưởng công đức thậm thâm. Đây cùng giáo hạnh quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có” là sự vi diệu thậm thâm, “ý thú khó hiểu” là vô thượng thậm thâm nhập thậm thâm. Đây cùng thể dụng quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Ta từ khi thành Phật đến nay” vì thuyết pháp thành tựu công đức Như Lai. Đây cùng nhân quả quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Vô số phương tiện” tức là giáo hóa thành tựu, thuyết pháp thành tựu. Đây cùng tiêm đốn quyền

thật, ý đồng, Luận giải thích: Như Lai phương tiện tri kiến thâm nhập không giới hạn, là tự thân thành tựu cảnh bất khả tư nghì, hơn hẳn hết thảy các Bồ-tát. Đây là nêu lợi. Luận giải thích: “Có thể phân biệt các món, làm vui lòng chúng...” là ngôn ngữ thành tựu. Đây là ích; cùng với lợi ích quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: “Tóm yếu mà nói đó.... Thôi! Chẳng cần nói” là có thể hóa độ chúng sinh thành tựu, đây cùng tứ Tất-đàn phân biệt có thể hóa và không thể hóa độ, ý đồng. Luận giải thích: “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận” là vô lượng phước thành tựu. Chư Phật có thể biết, nghĩa là thể pháp thân Như Lai bất biến, cho nên gọi là giác, năng tự chứng thành tựu, năng tùy thuận chúng sinh. “Thuyết hết thảy các pháp tướng...” đây cùng lý sự quyền thật, ý đồng. Luận kia giải thích kinh Phật, số này sâu xa hợp với nhị thánh. Có thể nói rằng cùng Tu-đa-la, U-ba-đề-xá đều phù hợp.

5. *Kết quyền thật*: Mười thứ này thông bốn giáo, hợp thành bốn mươi thứ quyền thật. Nếu trong Tam tạng mười pháp tự chứng gọi là tự hành quyền thật. Mười pháp hóa tha đều hợp, là quyền, mười pháp tự hành đều hợp, là thật, gọi là tự tha quyền thật. Đối với ba giáo còn lại thì mười pháp xếp thành ba thứ quyền thật cũng như vậy. Lại ngay nơi giáo mỗi mỗi đều dùng bốn thứ: sự lý, giáo hạnh, phước thoát, nhân quả làm tự hành quyền thật, đều dùng hai loại lý giáo, khai hợp làm hóa tha quyền thật, đều dùng bốn thứ thể dụng, tiệm đốn, thông biệt, Tất-đàn... làm tự tha quyền thật. Danh kia tuy đồng mà nghĩa kia đều khác. Biệt kết: tam giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đương phần đều là hóa tha quyền thật, vì tùy tha ý nói. Viên giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đương phần đều là tự hành quyền thật, vì tùy tự ý nói. Hóa tha cả ba đều gọi là quyền, tự hành đều gọi là thật.

Tiếp đến kết thành bốn câu: tùy tha ý nói, tức hết thảy pháp quyền; tùy tự ý nói, tức hết thảy pháp thật, chọn cả hai, thì hết thảy pháp vừa quyền vừa thật, cả hai đều phi, thì hết thảy pháp chẳng quyền chẳng thật.

Tiếp đến là kết thành ba phen giải thích phẩm: Nếu tự hành tự ý: kinh này gọi là “Pháp chứng nơi đạo tràng”. Đại kinh nói: “Do tu đạo đắc”. Nhiếp Đại Thừa luận gọi là: Như lý, như lượng trí. Đều là Viên giáo tự hành quyền thật, tùy tự ý nói. Đức Phật tuy có thể đối với pháp bất khả thuyết này mà phương tiện năng thuyết, còn chúng sinh thì không kham nổi. Nếu phát chẩn riêng thuyết pháp này, áp dụng cho chúng sinh thì không thể được, cho nên nói bất khả thuyết bất khả thuyết. Lại, sắp đặt sự này, lấy tự hành quyền thật và Biệt giáo quyền

thật cùng áp dụng cho chúng sinh, thì chỉ người đại cơ lợi, thì đắc ngay, người độn cơ thì quanh co mới đắc, hàng tiểu cơ lợi độn đều không đắc, đó là ý của Hoa nghiêm. Lại, sắp đặt sự này, riêng dùng Tam tạng quyền thật áp dụng cho chúng sinh thì người đại cơ lợi độn ngầm đắc mà hiển bày không đắc, tiểu cơ lợi độn chỉ bảo thủ tự chứng, thì cũng không đắc, đó là ý của Tam tạng. Lại, sắp đặt sự này, hợp dùng bốn thứ quyền thật và áp dụng cho chúng sinh thì người đại cơ lợi độn, trực tiếp gián tiếp đều đắc, người tiểu cơ lợi độn bảo chứng đều không đắc, đó là ý của Phương Đẳng. Lại, sắp đặt sự này, xả Tam tạng quyền thật, dùng ba thứ quyền thật và áp dụng cho chúng sinh thì đại cơ lợi độn đều đắc, tiểu cơ lợi độn bảo chứng đều không đắc, đó là ý của Bát-nhã. Lại, sắp đặt sự này, xả ba thứ quyền thật, riêng dùng Viên giáo tự hành quyền thật, áp dụng cho chúng sinh thì đại cơ tiểu cơ lợi độn đều đắc, đó là ý của Pháp Hoa. Trí tuệ của đức Như Lai thì không gì mà không thông đạt, biết rõ thời cơ thích nghi mà sử dụng. Cho nên giải thích tên phẩm này: “Phương” là các phương pháp, “tiện” là khéo dùng. Khéo dùng phương pháp khiến cho chúng sinh đắc, vì vậy nên ân cần khen ngợi phương tiện.

Lại nữa, Như Lai tự chứng quyền thật đều bất khả thuyết, thương xót chúng sinh mà nói tự chứng là quyền, làm môn, đối với vật chẳng thích nghi, chúng sinh không thể đắc nhập, cho nên tự chứng của Như Lai cũng bất khả thuyết. Nói Biệt quyền thật làm môn, người lợi căn được nhập người độn căn không nhập, đối vật chẳng thích nghi thì Biệt quyền thật cũng bất khả thuyết. Nói Tam tạng quyền thật làm môn, người lợi căn ngầm nhập, người độn căn cũng không nhập, đối vật chẳng thích hợp thì cũng bất khả thuyết. Nói ba thứ hóa tha quyền thật làm môn, người lợi căn được nhập, người độn căn cũng không nhập, đối vật chẳng thích nghi thì cũng bất khả thuyết. Nói hai thứ hóa tha quyền thật làm môn, đối với người lợi căn được nhập, độn căn cũng không nhập, cũng bất khả thuyết. Đối với vật chẳng thích nghi, xả ba thứ hóa tha quyền thật, chỉ nói tự hành là quyền, người lợi người độn đều được nhập, từ đầu đến cuối dùng phương tiện làm môn, cho nên Như Lai tán thán phương tiện. Giải thích tên phẩm rằng: “Phương tiện” là cửa để nhập thật, tức là ý đây vậy. Một phen trước là nêu Như Lai biết được phương tiện, dùng được phương tiện. Một phen này nêu hành giả có thể tùy thuận phương tiện v.v...

Lại nữa, Như Lai tự chứng tu đạo đắc hết thấy phương tiện, tức là chân thật, mà chân thật này bất khả đắc, bất khả thuyết. Tuy có thể

thuyết điều đó nhưng chúng sinh không có khả năng tức thật. Dùng sự phương tiện, ở chỗ bất tức mà nói nhất tức. Người lợi thì năng tức, người độn thì chẳng năng tức. Lại, thuần thuyết nhất bất tức, người lợi thì ngầm tức, người độn thì bất tức. Lại, ở chỗ tam bất tức mà thuyết nhất tức, người lợi thì năng tức, người độn thì bất tức. Lại, ở chỗ nhị bất tức mà thuyết nhất tức, người lợi thì năng tức người độn thì bất tức. Lại, phé bỏ tam bất tức mà thuần thuyết nhất thiết tức, thì người lợi người độn đều năng tức, đối với phương tiện được thấy chân thật. Hai ý trên dùng phương tiện theo phương tiện, một ý này tức phương tiện tức chân thật. Chân thật tức viên nhân, viên nhân tức tự hành phương tiện. Như vậy tự hành phương tiện nay mới chứng nhập. Hãy giải thích tên phẩm rằng: “ Phương tiện “ tức là chân thật, từ nơi tự hành phương tiện mà đặt tên, cho nên nói “phẩm Phương tiện”.

6. *Phân biệt chiếu đế*: trước đã Thông Biệt đương phần kết thúc quyền thật, nay vẫn căn cứ trí chiếu này, về nghĩa thì dễ thấy. Nếu Thông dùng mười thứ nêu rõ tự hành hai trí, tức chiếu tùy trí nhị đế. Thông dùng mười pháp hợp duyên, tức chiếu tùy tình nhị đế. Nếu gom bốn làm hai, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Nếu sẽ phân ra chiếu đế thì Sự lý, Giáo hạnh, Phước thoát, Nhân quả đều là tự chứng, tức chiếu tùy trí nhị đế. Lý giáo, Khai hợp, hai thứ này thuộc hóa tha, tức chiếu tùy tình nhị đế. Bốn thứ: Thể dụng, Tiệm đốn, Thông biệt, Tất-đàn là thông tự tha, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Tam giáo chiếu đế, chuẩn theo đây có thể hiểu. Lại, Tam tạng có ba mươi thứ nhị trí, là hóa tha nhị trí, đều chiếu tùy tình nhị đế. Nếu Thông Biệt sáu mươi thứ, là tự tha nhị trí, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Thông giáo hoặc có khi cùng Tam tạng trước, cùng là tùy tình nhị đế. Nếu Viên giáo ba mươi thứ quyền thật là tự hành nhị trí, chiếu tùy trí nhị đế. Lại, Tam giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đều là hợp duyên, đều là hóa tha nhị trí, chiếu tùy tình nhị đế. Viên giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đều là tự hành nhị trí, tức chiếu tùy trí nhị đế. Nếu buộc cái thật của tam giáo làm quyền, buộc cái quyền của Viên giáo làm thật, tức tự tha nhị trí, chiếu tùy tình trí nhị đế.

7. *Căn cứ các kinh để luận quyền thật*: Kinh Hoa Nghiêm luận về giáo chỉ là mãn tự, luận thời chỉ là vị Sữa, luận pháp thì một tự hành, một hóa tha. Hoặc đối người chỉ là Bồ-tát, hàng nhị thừa cầm điếc, sinh thân Bồ-tát cũng chưa phát quyền tự hành và thật tùy trí. Nếu dựa theo kinh văn này, thì chưa từng hướng đến con người mà nói việc như thế. Căn cứ vào Tam tạng: Nếu luận giáo thì chỉ là bán tự, nếu luận pháp thì là một thứ hóa tha, nếu luận thời tức là vị Lạc. Nếu y văn này thì đứng

bên ngoài cửa, mặc áo dơ xấu, cầm đồ hốt phân, là người Nhị thừa đó thôi! Căn cứ Phương đẳng giáo: Nếu luận về giáo thì đối bán tự mà luận mãn tự, nếu luận thời thì đều là Lạc chuyển sang Sinh tô, nếu luận pháp thì có ba thứ hóa tha và một thứ tự hành. Nếu y văn này tức: “Tâm tướng thể tín vào ra không ngại”. Căn cứ Bát-nhã: nếu luận về giáo tức ở nơi bán mà luận mãn, nếu luận thời thì từ Sinh tô đến Thục tô, nếu y pháp thì có hai thứ hóa tha và một thứ tự hành. Nếu y văn này thì là: “Trong đó có thứ nhiều, có thứ ít, có thứ nên giữ lấy có thứ nên cho, người phải biết hết đó”. Căn cứ Pháp Hoa: Luận về giáo, tức phước bỏ bán mà luận về mãn, nếu luận thời thì toàn là vị Đề-hồ, nếu luận pháp thì chỉ có tự hành. Nếu y văn này thì khai quyền hiển thật: “đây thật là con ta, dota sinh ra, ta thật là cha”, giao phó gia nghiệp thọ ký làm Phật, giáo trước không nói nay đều nói ra. Chính ngay ở chỗ xả phương tiện, chỉ nói vô thượng đạo nên là quyền tự hành, nên gọi “phẩm Phương tiện”, vì các chỗ khác hoặc là tự tha nhị trí, hoặc là hóa tha nhị trí. Lại nữa, Hoa Nghiêm đối nhị Bồ-tát nói một tự, một tha, không giống như nhị thừa không nghe không hiểu. Tam tạng đối nhị thừa nói một hóa tha, không giống như Bồ-tát, cho nên không có tự hành. Phương đẳng đầy đủ đối Tiểu thừa Đại thừa, đối nhị thừa thì nói hai hóa tha, đối Bồ-tát thì nói một tự, một tha. Bát-nhã cũng đối cả ba, nói một tự, hai tha, đối nhị thừa nói một tha, đối Bồ-tát nói một tự, một tha. Pháp Hoa thì đối khắp hạng căn cơ thuần thực, chỉ nêu một tự, không còn luận về tha. Văn nói: “Bồ-tát nghe pháp ấy lười nghi đều đã trừ, một ngàn hai trăm vị La-hán đều cũng sẽ làm Phật”. Hết thấy chúng sinh đều nhập phương tiện tự hành, cho nên nói “phẩm Phương tiện”.

8. *Căn cứ Bản tích xét quyền thật*: Bản địa của Như Lai đã từ lâu chứng đắc nhất thiết quyền thật, gọi là tự hành, khoảng giữa (trung gian) thù tích thuyết bốn thời giáo Kiêm, Đăn, Đối, Đái, ngày nay thù tích tịch diệt đạo tràng, kèm theo hóa tha Biệt giáo thuyết tự hành, tiếp đến nói một hóa tha, tiếp nữa nói ba, tiếp lại nói hai, tiếp nói phước bỏ ba... đều gọi là hóa tha quyền thật. Bó quyền và bản lại gọi là thật, bó tích và thật lại, gọi là quyền, tức là tự tha quyền thật. Tổng kết đây có bốn câu: hết thấy thật, hết thấy quyền, hết thấy cũng quyền cũng thật, hết thấy phi quyền phi thật... Thân-tử bản chứng hết thấy quyền thật, tức tự hành, tích tại vườn Lộc uyển riêng thọ hóa tha, tại Phương đẳng thọ nhất bị tam chiết, tại Bát-nhã mang hai chuyển một, đến Pháp Hoa phước ba ngộ một, đều là hóa tha quyền thật. Bó quyền và bản lại làm thật, bó tích và thật lại, làm quyền, tức tự tha quyền thật, cũng đủ bốn

câu v.v... Nếu từ Phật tích thuyết, thì cũng là hóa tha quyền thật, cũng gọi là “phẩm Phương tiện”. Nếu theo dẫn nhập viên nhân, thì tự hành cũng là “phẩm Phương tiện”. Nếu theo Thân-tử tích quyền, thì cũng là “phẩm Phương tiện”. Nếu từ Thân-tử tích nhập thật, thì cũng là “phẩm Phương tiện”. Vì các nghĩa đây, cho nên gọi là “phẩm Phương tiện”. Từ phẩm này xuống đến mười chín hàng kệ sau cùng của phẩm Phân Biệt Công Đức, hoặc đến sau kệ hiện tại tứ tín đệ tử, văn tận, gọi là phần Chánh thuyết. Nếu làm hai phần chánh thuyết, thì từ đây trở xuống đến hết phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là tích môn chánh thuyết. Nay lại tùy theo cận, căn cứ tích môn chánh thuyết lại chia làm hai phần:

1. Từ đây trở xuống, là lược khai tam hiển nhất.
2. Từ “Phật bảo Xá-lợi-phất ông đã ân cần” trở xuống, là rộng khai tam hiển nhất.

I. Lược Khai Tam Hiển Nhất: lại chia làm hai phần:

1. Từ “Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn” trở xuống, là lược khai tam hiển nhất.
2. Từ “Lúc bấy giờ, đại chúng” trở xuống, là động chấp sinh nghi.

Lược khai tam hiển nhất có văn trường hàng và kệ tụng: Văn trường hàng chia làm hai: Một là dùng ngôn ngữ tán thán nhị trí. Hai là dứt nói năng tán thán nhị trí. Nếu không nhờ vào ngôn ngữ thì không thể biết, tuy lại khen ngợi ngôn ngữ mà không thể cùng tận. Hai thứ trí của chư Phật như trước đã nói. Dựa vào ngôn ngữ có hai: Một là nêu quyền thật của chư Phật, Hai là nêu quyền thật của Phật Thích-ca. Đạo của chư Phật đồng, nên đều tán thán. Trên nói hào quang chiếu các cõi khác, đức Di-lặc hỏi về hoànnh (không gian), Văn-thù dẫn việc xưa, đại chúng nghe đọc (thời gian) chính là tiêu biểu điều này, cho nên đức Phật thương xót chúng sinh mới ra khỏi định, tức nêu rõ chư Phật đạo đồng.

Căn cứ văn tán thán chư Phật chia làm ba phần: Một, tán thán cả hai. Hai, là giải thích cả hai. Ba, là tổng kết cả hai.

Trong phần tán thán cả hai, thì trước hết kinh gia đề khởi, tiếp theo là chánh thán. “Nhĩ thời” là thời bấy giờ. Phật thường ở trong định vì sao nói khởi? Đây có biểu thị về: chư Phật từ xa xưa trước khi thuyết kinh này ắt phải nhập định Vô lượng nghĩa, tức nhập Pháp Hoa. Nay đức Phật cũng như vậy, đây là biểu thị thế giới Tất-đàn. Đức Phật vì thương

xót chúng sinh nên ra khỏi định. Lý lịch pháp duyên cả hai đều suy xét kỹ, thuyết ắt không lầm lại tăng trưởng lòng tin cho chúng sinh, đây là biểu thị Vị nhân Tất-đàn. Thương xót chúng sinh nên từ trong định ra, Phật tịch lặng và thường chiếu, mà còn phải nhập định mới thuyết pháp, hướng lại tán tâm mà vọng có pháp được thuyết, đây là Đối trị Tất-đàn. Thương chúng sinh mà xuất định, nhập định thì duyên lý an tâm nơi thật tướng, xuất định thì khiến cho người khác an tâm nơi thật tướng, đây là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Thương chúng sinh nên từ trong định ra. An bốn pháp này cho nên nói “an tưởng mà khởi”. “bảo Xá-lợi-phất”, Xá-lợi-phất là hàng trí tuệ đệ nhất trong tiểu thừa, muốn nhân đó mà phá tiểu trí hiển đại trí, phá hợp khai nhân trí kia mà phá tiểu trí hiển đại trí, phá hợp khai che gồm có mười thứ, như trong Huyền Nghĩa nói đây chính là văn mà kinh gia đề khởi. Pháp Hoa luận nói: Đức Phật nhập Tam-muội rất sâu, chánh niệm bất động, như thật trí quán, từ Tam-muội mà khởi, hiện Như Lai đặc lực tự tại, nên Như Lai nhập định không ai có thể làm kinh động, luận cùng nghĩa này tương ưng. Vì đệ Nhất nghĩa Tất-đàn vượt qua thế gian cho nên không ai có thể làm kinh động, Tứ Tất-đàn không chướng ngại cho nên được tự tại... “Ngồi kết già”: Xưa chư Phật nhiều như số vi trần và đệ tử đã tập hành pháp này. Lại ngồi kết già giác được niệm ác khởi mà còn làm cho người sinh tâm cung kính hướng chi nhập sâu cảnh giới mà không thích hợp vừa lòng thiên nhân ư? Lại, chẳng phải pháp mà thế gian thọ dụng, không cùng chung với ngoại đạo, có thể phá ma quân phiền não. Lại, năng sinh ba thứ đạo Bồ-đề, nên riêng gọi đây là ý của Tứ Tất-đàn.

Hỏi: Các kinh nói buộc niệm tại trước, là thế nào?

Đáp: Bỏ các cảnh giới sắc tướng sinh tử phiền não ở sau. Quán tịch diệt Niết-bàn sở duyên, ở trước, cho nên lẽ ra giải thích theo bốn nghĩa.

Hỏi: Tại sao ở trước mặt?

Đáp: Giải thích theo bốn nghĩa:

Thứ nhất, người phạm phu đối trước mặt sinh khởi dục năng sinh ưa thích, sau mới đến khắp toàn thân. Lại, chín chỗ mà ô uế thường chảy thì mặt có bảy lỗ, dùng bất tịnh để trị dục cho nên buộc duyên ở trước mặt.

Thứ hai, sáu thức nơi mặt tâm phần nhiều là thượng duyên, tiêu biểu tất cả các bậc hiền thánh, chuộng Không, tương ưng với Không, cho nên buộc duyên trước mặt.

Thứ ba, nếu quán nơi mặt thì năng phân biệt sáu thức, vì phân biệt

cho nên cố buộc duyên trước mặt.

Thứ tư, thân có sáu phần thì đầu mặt là trên hết, tiêu biểu trong các pháp thì thật tướng là đệ nhất, pháp đệ nhất cho nên buộc duyên trước mặt.

Căn cứ song tán nhị trí, trước tán thật, sau tán quyền. Thật, là “trí tuệ của chư Phật”, không phải ba loại hóa tha quyền thật, cho nên nói “chư Phật”. Hiện thật tự hành, cho nên nói “trí tuệ”, trí tuệ này thể tức nhất tâm tam trí.

“Thậm thâm vô lượng” tức là lời xưng tán, nêu thật trí của Phật, về thời gian thì thấu tận nguồn gốc như lý, cho nên nói “thậm thâm”, về không gian thì cùng tận bờ mé pháp giới, cho nên nói “vô lượng”. Vô lượng thậm thâm cao sâu rộng lớn, thí như gốc sâu thì nhánh cây tươi tốt, nguồn nước ở xa thì dòng chảy dài. Thật trí đã vậy, thì quyền trí theo đó cũng vậy. “Trí tuệ môn kia” tức là tán thán quyền trí, bởi vì là phương tiện tự hành trước khi chứng ngộ thật đạo (đạo tiền), có sức tiến tới cho nên gọi là “môn”, theo môn vào chứng ngộ thật đạo (đạo trung). Đạo trung gọi là thật, đạo tiền gọi là quyền. “Khó hiểu khó nhập” là lời tán thán quyền, không mưu cầu mà hiểu rõ, không phương pháp mà đại dụng, bảy thứ phương tiện không thể so lường. Thập trụ mới hiểu, Thập địa mới nhập, là nêu lên ban đầu và sau, chặng giữa thì khó chỉ bày khó ngộ, nên biết. Riêng nêu “Thanh văn, Duyên giác đều không biết”, vì nặng chấp nên riêng phá đó thôi! Pháp thân bản ý vốn đem tự hành quyền thật mà phác thảo cái ấy, vì không có căn cơ nào trốn thoát, cho nên nói “không biết”. Hoa Nghiêm đốn chiếu Nhị thừa như đui điếc cảm ngọng, cho nên nói “không biết”, Phương Đẳng chê trách bài xích việc bám trụ thảo am, cho nên nói “không biết”, Bát-nhã chuyển giáo, không muốn giữ một chút ý nào, cho nên nói “không biết”. Nay đại cơ duyên khởi phát, phóng hào quang, chấn động đất, kia và đây, xưa nay chư Phật đạo đồng, do ôm lòng nghi hoặc cho nên nói “không biết”. Hàng lợi căn Bồ-tát thì việc nào cũng biết. Hạng độn căn, đồng với Nhị thừa, thì cũng “không biết”. “Môn” ấy là ngài Quang Trạch chọn Nhị thừa là phương tiện vì kinh này là trí tuệ môn, môn này cần phải buông thả hay nắm bắt (Dữ đoạt).

Nếu vậy tức là được môn, thì sao đức Như Lai phá, nói “không biết”? Vì “không biết” thì không phải môn. “Buông” thì đây là khả năng rất nông cạn, vĩnh viễn không biết như thế... Nay giải thích tự có phương tiện trí tuệ làm môn để nhập trí tuệ Phật, như kinh Anh Lạc nói: Nhị quán làm phương tiện đạo để nhập trung đạo Đệ Nhất nghĩa đế,

cũng là tam giáo mỗi giáo có bốn môn làm phương tiện để nhập trung đạo. Ngài Quang Trạch giải thích: nhị quán chỉ là nhất quán, mười hai môn chỉ là một môn... Phương tiện trí tuệ làm môn để thích ứng với phương tiện trí, tức là tam giáo mỗi mỗi có bốn môn đều dạy hợp với chứng. Tự có Phật trí làm môn được nhập trí tuệ Phật, như trên nói Viên nhân gọi là phẩm Phương Tiện, tức là tự hành quán trí làm môn, tức là kinh này tán thán trí tuệ môn kia. Bốn môn của Viên giáo tức là một môn kia, tự có thật làm môn nhập phương tiện trí, song chiếu nhị đế, tức nghĩa kia. Giải thích như đây thì phong phú rộng rãi, tại sao ngài Quang Trạch chỉ chọn một thứ nhỏ? Nếu y luận lấy A-hàm làm môn, thì đây cần phải khai thác các giáo, chuẩn theo quán có thể biết. Từ “Vì sao vậy?” Trở xuống ngài Quang Trạch nói chương tán thán đức Phật Thích-ca, nay suy tìm ý văn là cả hai giải thích nhị trí của chư Phật: “Đức Phật đã từng tận cận vô lượng chư Phật... tu hành hết thủy đạo pháp” là giải thích thật trí của chư Phật. Bởi bên ngoài được gặp nhiều Phật, vâng thọ thừa sự hết sức quan trọng nên thật trí thậm thâm. Bởi trong tu hành thuần hậu (hòa thuận...) hành hết thủy đạo pháp của chư Phật nên thật trí vô lượng. Vô lượng thì giải thích ngang rộng, thậm thâm thì giải thích dọc cao. “Dũng mãnh tinh tấn danh tốt vang khắp” là giải thích quyền trí của chư Phật. “Trí tuệ môn kia khó hiểu khó nhập”, bởi do dũng mãnh thì tinh tấn có thể nhập môn khó nhập, đã nhập môn rồi thì thấm nhuần gia bị không cưỡng ép, vạn vật kính phục thán đức, cho nên “danh tốt vang khắp”. Cũng có thể phân biệt câu “dũng mãnh tinh tấn” là năng nhập pháp môn, tức giải thích quyền trí sâu xa, “danh tốt vang khắp” tức giải thích quyền trí rộng rãi. Xem văn về quyền trí thì không có nói sâu rộng. Theo văn nói về thật trí thì có các nghĩa đó... Từ “thành tựu thậm thâm” trở xuống là song kết nhị trí của chư Phật, xứng lý cứu cánh cho nên nói “thành tựu”. Đến cùng tận bờ bên kia, cho nên nói “thậm thâm”. Đây là kết thành thật trí. Xứng căn cơ thích hợp, cho nên nói “tùy nghi”, chẳng phải dùng bảy phương tiện mà biết được, cho nên nói “khó hiểu”. Đây là kết thành quyền trí. Tùy tình thì che lấp lý, nên nói “khó hiểu”, liễu nghĩa thì cố ý hiển bày, cho nên nói dễ biết. Nhiếp Đại Thừa luận nói: “Kinh liễu nghĩa thì dựa vào văn mà xét nghĩa, kinh bất liễu nghĩa thì dựa vào nghĩa mà xét văn”, tức nghĩa đây vậy. Có khi giải thích “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có” là kết tự hành quyền thật, “tùy nghi mà nói pháp ý thú khó hiểu” là kết hóa tha quyền thật... Từ “Ta từ khi thành Phật đến nay” là tán thán quyền thật của Phật Thích-ca. Xưa nói: “Mỗi mỗi Quyền Thật của Phật

Thích-ca đều được tán thán”. Từ “Ta từ khi thành Phật” trở xuống, là tán thán Quyền. Vì sao vậy? Là giải thích Quyền. Từ “Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa” trở xuống, là tán thán Thật, từ “vô lượng, vô ngại” trở xuống, là giải thích Thật. Từ “Như Lai lại có thể phân biệt các thứ” trở xuống, là kết văn tán thán Thật.

Xưa giải thích trước sau có ba ý:

1. Hợp thán nhị trí của chư Phật, là nêu rõ hai trí thể đồng, khai thán nhị trí của đức Thích-ca, là nêu công dụng của nhị trí có khác.

2. Nêu rõ bản của thù tích, cho nên chư Phật trước tán thán thật, nêu khả năng hiển bản, cho nên đức Thích-ca trước tán thán quyền.

3. Chư Phật hiển bày tự hành, trước phải đắc Thật, đức Thích-ca nêu hóa tha, trước hết dùng Quyền dẫn dắt chúng sinh mông muội đại độ. Lúc hiện lúc ẩn xen kẽ nhau để chứng minh rằng thể Viên mãn thì không có Thiên lệch tồn tại, nếu tồn tại thì mất tôn chỉ. Nay nói không như vậy, vì chỉ y văn thứ lớp thì nghĩa đã dễ hiểu, không cần phải quanh co biện minh. Lại ông nói chư Phật đạo đồng, vì sao giải thích khác?. Như người thường khen sự hiếu thuận mà lại đánh đập cha mẹ... Căn cứ nói về đức Thích-ca văn cũng chia làm ba phần: Ban đầu cả hai tán thán, tiếp cả hai giải thích, sau cả hai tổng kết. “Ta từ khi thành Phật đến nay” là tán thán thật trí. Nếu thật trí không viên mãn, thì Phật đạo không thành. Đã nói thành Phật, một thành thì hết thấy đều thành, tức là tán thán thật trí. “Các thứ nhân duyên” trở xuống, là tán thán quyền trí. Hơn bốn mươi năm, dùng ba thứ hóa tha quyền thật phù hợp với chúng sinh, cho nên nói “các thứ nhân duyên”.

“Các thứ thí dụ”, trong kinh Tiểu thừa thì dùng cây chuối, bọt nước làm thí dụ, trong kinh Văn Đại thừa thì dùng thành Càn-thát-bà, cảnh huyễn... làm thí dụ. Các luận thì dùng Tiểu thừa dụ như Sữa, Đại thừa dụ như Đề-hồ. “Rộng diễn nói”, là có thể nơi một pháp mà xuất ra vô lượng nghĩa, “vô số phương tiện” là bảy thứ phương tiện. “Dẫn dắt chúng sinh làm cho họ xa lìa lòng chấp” là nói rộng thập thiện để xa lìa chấp đắm khiến rơi vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nói tịnh thập thiện để lìa chấp ở Dục giới, nói Tam tạng để lìa chấp Kiến Tư hoặc, nói pháp Bồ-tát để lìa chấp Niết-bàn, nói pháp Phật để lìa ái trước pháp thuận đạo. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là giải thích nhị trí. “Như Lai” nửa câu, tức là giải thích Thật trí. Từ trong chân như thật tướng đến mà được thành Phật đạo, cho nên gọi “Như Lai”, tức giải thích thành Thật trí. “Phương tiện” là giải thích Quyền trí. Do phương tiện thiện xảo nên có các thứ nhân duyên. “Tri kiến Ba-la-mật” tức là

nêu cả hai Quyền Thật tri kiến. Nhất thiết chủng trí gọi là Thật tri. Phật nhãn gọi là Thật kiến. Đạo chủng trí gọi là Quyền tri. Pháp nhãn gọi là Quyền kiến. Đều đạt đến biên của sự lý, đều gọi là “Ba-la-mật”. “Đều đã đầy đủ” là quyền thật đều cứu cánh. Nếu không có ý giải thích cả hai, sao bỗng nói “đều đã”? “Đều đã”, là rõ ý đã giải thích cả hai. Từ “Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa” trở xuống, là cả hai kết và giải thích nhị trí của Phật Thích-ca. “Tri kiến của Như Lai” như trước đã nói, “rộng lớn” là nêu ngang, “sâu xa” là nêu dọc. Thật trí như đây thì chẳng ngang chẳng dọc, nhưng nhờ lời nói để qua tán thán mà luận tri kiến kia ngang dọc chiếu soi không giới hạn, như cái tráp lớn và nắp lớn. “Vô lượng, vô ngại” trở xuống tức là kết quyền trí. Tự hành là quyền là phương tiện ở ngôi vị Đạo tiền. Căn cứ các pháp môn, cho nên biết đây là kết quyền trí, thật trí không có bao nhiêu. Ngài Quang Trạch cho là đây giải thích thật trí. Chẳng những Quang Trạch không biết thật trí, mà còn cả triều Lương cũng đều không biết vô ngại tuệ kia không có bao nhiêu. “Vô lượng” tức Phật địa tứ đẳng. “Vô ngại” tức Phật địa tứ biện, có thể đối với một từ một nghĩa mà lập tức xuất ra vô lượng nhạo thuyết không cùng tận, so với Biệt Thông Bồ-tát như phương côi trên hết. “Lực” tức thập lực, “úy” tức tứ vô sở úy, “thiền” tức là thiền tận cùng, là thật tướng, “định” tức định Thủ Lăng-nghiêm, “Tam-muội” tức Tam-muội vương. “Thâm nhập không ngần mé” là kết thành chiều dọc sâu, “thành tựu tất cả pháp chưa từng có” là kết thành chiều ngang rộng. Từ “Xá-lợi-phất! Như Lai hay phân biệt các thứ” trở xuống, xưa cho rằng kết thành Quyền Thật ở trước, nay dùng để dứt nói năng ở phần sau. Lại, nêu Quyền Thật là nguyên do dứt ngợi khen, văn chia làm hai: ban đầu nêu nguyên nhân dứt tán thán, sau là chỉ cảnh dứt nói năng. Trịnh trọng là tiêu biểu ân cần. “Như Lai năng khéo phân biệt, khéo thuyết các pháp”, tức nêu Quyền vậy. “Lời nói êm dịu làm vui lòng chúng”, là nêu Thật. Làm sao biết được? Trên thấy chư Phật các cõi khác thuyết đốn rằng: “Tiếng của ngài thanh tịnh, giọng nói ra êm dịu” trở xuống. Thân-tử lãnh giải rằng: “Nghe tiếng Phật êm dịu, sâu xa rất nhiệm mầu”. Căn cứ hai văn trước sau này thì biết là nêu Thật trí. Trong phần tán thán trước, thì khen thật trước, khen quyền sau, nay vì sao lại nêu trước quyền sau thật? Bởi vì trước thì muốn dựa lời nói, cho nên từ Thật mà bày Quyền, nay muốn dứt nói năng nên phải thu Quyền trở về Thật. Từ “Tóm yếu mà nói đó” là chỉ cảnh thật. “Yếu” là không pháp gì qua Thật, “vô lượng vô biên pháp chưa từng có” là chỉ cảnh Quyền. Lại, “Yếu” là khởi đầu, là chỉ đầu mối, “vô lượng vô

biên” là chỉ Quyền, “Pháp chưa từng có” là chỉ Thật. Nói hai pháp này “Phật đều thành tựu”, vì tu đạo đặc nên có thể thuyết nhiều. Nếu chỉ riêng nêu một việc, thì không nên nói “đều”, đã chỉ cả hai thứ Quyền Thật, thì ý kia đã rõ.

Từ “Thôi!” trở xuống là phần thứ hai, tức tuyệt ngôn tán thán. Sư Ấn nói: Muốn do bảo “Thôi!” mà hội chúng sẽ sinh tâm nghi ngờ thỉnh hỏi. Sư Quán nói: “Pháp thật thì khó biết, cho nên trước bảo Thôi!” là để làm kinh động thường tình của chúng”. Luận này thì nói : pháp này sâu xa vắng lặng, ngôn ngữ đạo đoạn, thể bất khả thuyết cho nên bảo “Thôi!” mà là tán thán. Giả sử vì từ bi mà nói chúng nghe cũng không thể hiểu, khiến tổn hại thiện căn, cho nên nói “Thôi”. Từ “Vì sao?” trở xuống, là giải thích ý tán thán “Thôi”, chia làm hai:

1. Đức Phật là người tối thượng thành tựu tu đặc pháp tối thượng, cho nên bất khả thuyết.

2. Nêu cảnh giới thậm thâm bất khả tư nghì, cho nên bất khả thuyết. Từ “Phật thành tựu” trở xuống, là nêu pháp quyền thật của bậc thượng nhân theo chiều ngang thì đầy đủ bất khả thuyết. Từ “chỉ có Phật cùng với Phật” trở xuống, là nêu pháp quyền thật của bậc thượng nhân theo chiều dọc thì sâu xa bất khả thuyết. Thành tựu đối bất thành tựu, cho đến nan giải đối bất nan giải tức là theo chiều ngang mà nêu thành tựu, vì tu đạo đặc cho nên bất khả thuyết. “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột”, là phần đầu và giữa thì thu hoạch chưa tận nguồn, như ánh trăng đêm mười bốn chưa tỏa sáng khắp, chỉ có Phật với Phật mới rớt ráo tận cùng, như ánh sáng đêm mười lăm, thể nó không nơi nào là không tròn sáng, không nơi nào là không biến khắp. Tu đạo đặc sâu theo chiều dọc như đây, cho nên bất khả thuyết. Từ “Thực tướng của các pháp” trở xuống, tức là cảnh giới thậm thâm bất khả tư nghì, cho nên bất khả thuyết. Ngài Quang Trạch nói: một câu đầu nêu nhị trí, “các pháp” nêu cảnh quyền trí, tam tam chẳng phải nhất cho nên nói “các pháp”. Trong ba pháp thì Giáo hiển rõ nhất. Giáo ắt phù hợp căn cơ vì thế mà có Nhân (người) của giáo, cho nên biết tam tam là quyền, “thật tướng” là cảnh thật trí. Lý Nhất chẳng hư vọng cho nên nói “thật tướng”. Trong tứ Nhất khắp nêu lý Nhất. Bởi vì lý là bản, cho nên là Thật. Trong đó có chín câu trở lại giải thích hai đoạn trên, năm câu trước giải thích Quyền. “Tướng như vậy” là ngôn giáo tam thừa nắm lấy tất cả mà có thể phân biệt. “Tánh như vậy” là tánh chất giáo tam thừa thì không thể thay đổi. “Thể như vậy” là giáo tam thừa thì có bát âm, chương cú mỗi mỗi đều có Thể, giáo Bồ-tát dùng lục

độ làm Thể. “Lực như vậy” là tam thừa giáo dùng lực giáo huấn dẫn dắt. “Tác như vậy” là giáo tam thừa gia bị cho người trước, có tạo tác. Rộng là cảnh thật trí, lược thì không có lời giải thích. Cảnh thật trí có tứ nhất, dùng bốn rộng để nêu lý Nhất. “Nhân như vậy”, cảnh sinh sự hiểu biết chân thật, là “nhân”, vạn điều thiện hưởng về quả. “Duyên như vậy”, cảnh phát sinh thật trí, là duyên. Dùng chỗ hưởng về từ nhân, làm “quả”. Quả khởi đáp lại nhân, là “báo”. Hai câu sau là song kết. Câu đầu là kết quyền, “bản” tức nêu tướng, “mạt” tức nêu tác. Câu tiếp là kết thật, “cửu cánh” tức kết nhân, “đẳng” tức kết báo. Các sư ở phương Bắc nói: “Pháp tam thừa đều có tướng, tánh, quả, báo, bản, mạt”. Dao sư nói: “Tướng, tánh như vậy” đây là giải thích chiếu dụng của Trí tuệ. Mầm tam thừa nảy sinh cái khác, là “tướng”. Hẳn như vậy thành tam, là “tánh”. Phát tâm, là “thể” tùy tâm. Sở kham, là “lực”. Lực có sở tạo, là “tác”. Tác hành dẫn tới quả, là “nhân”. Nhân là nói phần đã có. Sở do, là “duyên”. Duyên là nói lực bên ngoài. Thành được, là “quả”. Đáp nhân, là “báo”. Tướng là “bản”. Báo là “mạt”. Cái có được cuối cùng đồng nhất, là “cửu cánh đẳng”. “Như thị” là việc kia không sai. Sư Sương chỉ căn cứ các tạo tác ở Phật. “Tướng”, là thập lực đều có tướng mạo. “Tánh”, là từ căn đều có sự huân tập, cái mà sự huân tập không làm biến đổi được, là tánh, là cảnh tánh lực vậy. “Thể”, là căn tánh không đồng nên sự mong muốn cũng khác, nói cái dụng của tâm kia trói buộc cho nên lấy thể làm danh (đặt tên) đây là cảnh dục lực. “Lực” là tên riêng của Định. Thân thông biến, nếu động không định thì không vận được. Làm yên tâm, tĩnh các loạn, nếu không định thì không tịch. Cho nên, lực là cảnh thiên định. “Tác” là nghiệp, tức cảnh nghiệp lực. “Nhân”, đạo làm nhân, năng đạt đến Niết-bàn, tức đến xứ cảnh đạo lực. “Duyên” là duyên cảnh lực đời trước. “Quả”, do nhân đời này mà chiêu cảm quả đời vị lai, gọi là cảnh lực thiên nhân. “Báo”, báo đời này là bằng chứng của nhân các đời trước, tức cảnh lậu tận lực, cho nên nói báo là lậu tận vậy. “Bản” là tướng, “mạt” là báo. Tóm lại mà nhìn, đều là cảnh xứ phi xứ lực. Từ trước các sự giải thích đều là một đường, nhưng xét về lý thì không thông, xét về văn thì không công bằng. Về văn không công bằng, là kinh nói “các pháp” thì pháp nào mà không thấu nhiếp, đâu chỉ tam thừa? Về lý không thông, là kinh dạy “thật tướng” thì chỗ nào mà không tồn tại, đâu chỉ ở thể nhân quả? Nếu thật riêng chỉ ở Phật thì Phật chẳng quyền, mà quyền riêng ở tam thừa, thế thì tam thừa vĩnh viễn không có thật. Nếu tam thừa chỉ là ngũ, thì pháp Quyền không đủ, lại hoàn toàn không Thật. Nếu bốn câu chỉ ở Phật,

thì Phật hoàn toàn không có Quyền, Thật, cũng không đủ nghĩa, không liên quan đến phạm phu, thế thì vẫn nói “các pháp” là vô dụng, thật tướng không cùng khắp, ngoài thật tướng lại riêng có pháp. Vì các lỗi này nên đều không dùng. Thích Luận quyển ba mươi mốt nêu mỗi một pháp đều có chín thứ:

1. Điều có Thể.
2. Điều có pháp, như nhãn nhĩ tuy đồng do tứ đại tạo, nhưng mắt có công dụng thấy, tai không có công dụng thấy, như lửa hồng dùng thiêu đốt làm pháp thì không thể thấm ướt được.
3. Điều có lực, như lửa lấy sự thiêu đốt làm lực, nước lấy sự thấm ướt làm lực.
4. Điều có nhân.
5. Điều có duyên.
6. Điều có quả.
7. Điều có tánh.
8. Điều có hạn ngại.
9. Điều có khai thông, phương tiện.

Ngài Đạt-ma-uất-đa đem chín thứ này hợp với mười Như trong kinh Pháp Hoa. “Điều có pháp” tức là “như thị tác” trong Pháp Hoa. “Điều có hạn ngại” tức là “như thị tướng” trong Pháp Hoa. “Điều có quả” tức là “như thị quả, như thị báo” trong Pháp Hoa. “Điều có khai thông phương tiện” tức là “như thị bản mặt cứu cánh đẳng” trong Pháp Hoa. Những thứ còn lại đều đồng tên, có thể hiểu. Nay nêu rõ cảnh đây chia làm hai: một câu đầu lược nêu chương quyền thật như văn, mười câu tiếp rộng giải thích tướng quyền thật.

- Nay chia làm bốn phen giải thích:

1. Theo mười pháp giới.
2. Theo Phật pháp giới.
3. Theo ly hợp.
4. Theo địa vị.

Kinh dạy “các pháp”, cho nên dùng mười pháp giới giải thích. Kinh dạy “Phật đã thành tựu pháp hy hữu đệ nhất”, cho nên dùng Phật pháp giới giải thích. Kinh dạy “Thôi ! Thôi ! Không cần nói nữa, pháp ta vi diệu khó nghĩ bàn”, cho nên dùng ly hợp giải thích. Kinh dạy “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận” cho nên dùng địa vị giải thích.

1. Giải thích theo mười pháp giới: nghĩa là lược đạo, tứ thánh gọi mười pháp. Pháp tuy vô lượng mà số không ra khỏi mười, trong mỗi

một cõi tuy lại nhiều phái nhưng không ngoài mười Như, như địa ngục giới, ngay đương địa tự có đủ tướng tánh bản mặt, cũng đủ cả tướng tánh bản mặt của súc sinh giới, cho đến đủ tướng tánh bản mặt của Phật pháp giới, không có thiếu hụt. Cho nên, luận Tỳ-đàm Tỳ-bà-sa quyển bảy nói: đương địa ngục thành tựu pháp Tha hóa thiên tức là theo lệ đó chín pháp giới còn lại cũng như vậy. Nên biết mỗi một cõi đều có chín cõi mười như. Nếu chiếu theo tự vị của chín giới, thì mười như của chín giới đều gọi là quyền. Chiếu theo tự vị Phật giới, thì mười như của Phật giới gọi là thật. Trong một đầy đủ vô lượng, trong vô lượng đầy đủ một, do đó mà gọi là bất khả tư nghì. Nếu chiếu theo lục đạo tam thánh, thì ngũ như là quyền. Nếu chiếu Phật giới, thì tứ như là thật. Khi phân chia trải qua lớp lớp, là có thể thuyết có thể chỉ bày, đâu đợi “Thôi ! thôi!” tuyệt lời tán thán? Bởi vì trong một có vô lượng pháp, phàm phu tuy có tuyệt lý mà tình còn mê, nhị thừa tuy có xả ly mà cầu thoát, Bồ-tát tuy có chiếu mà không cùng khắp, gọi là bất liễu liễu (không rõ ràng), đức Như Lai thấu suốt dọc ngang đầy đủ, chỉ có đức Phật tự hiểu rõ những điều mà người khác không thể biết không thể thấy không thể chỉ bày, nên Phật bảo: “Thôi! thôi! Đừng nói nữa”, tức là nghĩa này. Trong Huyền Nghĩa kia đã nói, nay không ghi thêm.

2. Giải thích theo Phật pháp giới: Phật giới phi tướng phi bất tướng mà gọi “như thị tướng”, là chỉ vạn điều thiện duyên nhân, cho nên văn dưới nói: “các báu trang sức” là nghĩa ấy vậy. Phật giới phi tánh phi bất tánh mà gọi “như thị tánh”, là chỉ trí tuệ liễu nhân cho nên văn dưới nói “có trâu trắng lớn”. Phật giới phi thể phi bất thể mà gọi “như thị thể” là chỉ thực tướng chánh nhân, nên văn dưới nói “xe ấy cao rộng”. Phật giới phi lực phi bất lực mà gọi “như thị lực”, là chỉ Bồ-đề đạo tâm từ thiện căn lực... cho nên văn dưới nói: “Lại ở trên đó giăng treo màn trướng phan cái”. Phật giới phi tác phi bất tác mà gọi “như thị tác”, là chỉ nhậm vận vô công dụng đạo, cho nên văn dưới nói “phóng nhanh như gió”. Phật giới phi nhân phi bất nhân mà gọi “như thị nhân”, là chỉ bốn mươi một địa vị, cho nên văn dưới nói “cưỡi xe báu dạo chơi bốn phương”. Phật giới phi duyên phi bất duyên mà nói “như thị duyên”, là chỉ tất cả trợ Bồ-đề đạo, cho nên văn dưới nói “nhiều tôi tớ đi theo hộ vệ”. Phật giới phi quả phi bất quả mà gọi “như thị quả”, là chỉ quả diệu giác rõ ràng là cái được từ Viên nhân, cho nên đoạn văn dưới nói “thẳng đến đạo tràng”. Phật giới phi báo phi bất báo mà gọi “như thị báo”, là chỉ Đại Bát-niết-bàn, cho nên văn dưới nói “được vô lượng quả báo thanh tịnh vô lậu”. Phật Giới phi bản phi mặt mà nói “như thị

bản mặt”, bản tức Phật tướng, mặt tức Phật báo là tự hành quyền. Phật giới phi đẳng phi bất đẳng mà nói “cứu cánh đẳng”, là chỉ thật tướng, cho nên nêu chương nói thật tướng, là tự hành thật, tức thật mà quyền cho nên nói “bản mặt”, tức quyền mà thật cho nên gọi là “đẳng”. Đây là Như Lai tự hành quyền thật vô thượng trên hết, vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo, rộng theo chiều ngang, sâu theo chiều dọc mà không gì hơn được. Cho nên, nêu chương nói thật tướng của pháp. Theo lệ thường cũng nên nói “các pháp thật tánh, thật thể, thật lực” cho đến nên nói “thật cứu cánh đẳng”. Chỉ lược nêu một mà bao trùm nhiều. Đức Như Lai chiếu soi ngang dọc cùng khắp, như xem quả trong lòng bàn tay. Chỉ vì phàm phu thì như đui như điếc, hàng nhị thừa thì như chột một mắt, hàng Bồ-tát thì như thấy đêm mộng lung không rõ, không thể thuyết được. “Thôi thôi đừng nói” là ý tại chỗ này.

3. Giải thích theo lý hợp: nếu quán đúng cách như dùng tâm Phật mà quán thì mười giới mười như đều là vô thượng tướng, cho đến vô thượng quả báo, chỉ là một Phật pháp giới, như biển chứa vạn dòng, ngàn xe cùng một dấu bánh xe, đây tức tự hành quyền thật. Nếu tùy tha ý, thì có chín pháp giới mười như tướng, tánh v.v... tức là hóa tha quyền thật. Hóa tha mặc dù có thật, đều buộc làm quyền. Tự hành mặc dù có quyền, đều buộc làm thật. Đây tức tự hành hóa tha quyền thật, tùy tha thì khai, tùy tự thì hợp, ngang dọc chiếu khắp khai hợp tự tại. Tuy khai vô lượng, vô lượng mà một, tuy hợp làm một, một mà vô lượng. Tuy vô lượng một, mà chẳng phải một chẳng phải vô lượng. Tuy chẳng một chẳng vô lượng mà một mà vô lượng. Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận, hàng phàm phu thì phỉ báng không tin, hàng nhị thừa thì lẫn lộn trong mê cho nên không nhận ra, Bồ-tát thì còn bụi trần chưa sáng tỏ. Vì nghĩa này, cho nên bảo “Thôi! Thôi! Đừng nói”.

4. Giải thích theo vị: “Tướng như vậy” là hết thấy chúng sinh vốn đều tự có thật tướng, chính là tướng mạo Như Lai tạng. “Tánh như vậy” tức là tánh đức trí tuệ đệ nhất nghĩa không. “Thể như vậy” tức là lý trung đạo pháp tánh, đó gọi là tam đức thông mười pháp giới, mỗi vị đều có. Nếu nghiên cứu ba đức đây khế hợp với vị thập tín, thì gọi là “như thị lực như thị tác”, khế hợp với bốn mươi một địa gọi là “như thị nhân như thị duyên”, nếu đạt đến Phật địa thì gọi “như thị quả như thị báo”. Ba thứ đầu gọi là bản, ba thứ sau gọi là mặt. Từ đầu đến cuối đồng là ba đức, cho nên nói “cứu cánh đẳng”, Ở vị ban đầu, ba đức thông ác thông thiện, thông hiền thông thánh, thông tiểu thông đại, thông đầu thông cuối (đầu đến cuối cùng). Tuy ở nơi ác mà không bị

đắm chìm, tuy tại thiện mà không thăng lên, tuy tại Hiền mà không hạ thấp, tuy tại Thánh mà không cao, tuy tại tiểu mà không chật hẹp, tuy tại đại mà không rộng rãi, tuy tại ban đầu mà chẳng mới, tuy tại cuối cùng mà chẳng cũ, cho nên gọi bất khả tư nghì, bất khả đắc thuyết, nên nói: “Thôi! Thôi! Đừng nói”. Lại nữa ba đức “cứu kính đẳng” mười giới tánh tướng quyền thật khai hợp sai khác bao nhiêu, dùng đại tuệ bình đẳng mà quán như thật thì “cứu cánh” đều bình “đẳng”. Nếu mê cảnh này, thì có tướng tánh của sáu cõi, gọi là thế đế. Nếu hiểu cảnh này, thì có tướng tánh của Nhị thừa, gọi là chân đế. Thông đạt điều này chẳng mê chẳng hiểu, thì có tánh tướng của Bồ-tát Phật giới, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu dùng tuệ này, bình đẳng với tục đế, thì tục đế chẳng mê, bình đẳng với chân đế thì chân đế chẳng hiểu. Cả hai không mê không hiểu, gọi là bình đẳng. Nếu song chiếu, thì quyền tức là thật, thật tức là quyền. Tuy hai mà không hai, cũng gọi là “cứu cánh đẳng”. Lại, cảnh quyền thật không hai, bảy thứ phương tiện, không thể dùng trí bất nhị bình đẳng với cảnh bất nhị. Chỉ có chư Phật dùng trí bất nhị bình đẳng với cảnh bất nhị, cho nên nói “cứu cánh đẳng”. Lại, nay Đại thừa cơ động không nêu tánh tướng của chín giới, mà nói thẳng tất cả tánh tướng đều nhập tánh tướng của Phật giới. Xưa giáo không thuyết, nghĩa là xưa không cùng với nay bình đẳng giáo nay thuyết. Biết xưa cùng nay bình đẳng, cho nên nói “cứu cánh đẳng”. Ban đầu căn cứ Hoặc và giải bình đẳng, tiếp đến căn cứ người bình đẳng, sau căn cứ về giáo bình đẳng; đây nói rất rộng, người ghi chép không thể lĩnh hội hết. Nếu đến chỗ dứt ngôn ngữ, tuyệt tư duy, thì rõ ràng là bất khả tư nghì. Thích Luận quyển bảy mươi chín nói: Bất khả tư nghì gọi là không quyết định, vượt ngoài tất cả tâm, tâm số pháp, ngoài hết thấy mọi đường ngôn ngữ, không thể hành không thể đạt đến, cho nên gọi là bất khả tư nghì. Nếu căn cứ thí dụ để nêu bất khả tư nghì, thì như Thích luận quyển mười bốn giải thích: “Không dùng sắc bại hoại để hưởng đến đạo bình đẳng được, mà quán sắc không khác mới có thể bình đẳng với Đại thừa. Như sáng với tối cùng hợp, mà ông không thấy, cho là sáng tối có sai khác. Muốn biết nghĩa kia như mặt trăng kia sáng. Lại, khi mặt trời xuất hiện thì bóng tối không hưởng mười phương, bóng tối thường không có chỗ hưởng về, ánh sáng cũng như vậy cùng bóng tối hợp. Sinh tử cùng đạo hợp, đạo tức là sinh tử. Đức Phật chỗ tận đã tận, chỗ đáng độ đã độ, đều bất khả tư nghì. Các kinh các luận liệt kê điều này rất nhiều. Nếu bất khả tư nghì trong sự, thì kinh A-hàm nêu rõ bốn thứ bất khả tư nghì, đó là: Chúng sinh, thế Giới, Rồng và Phật. Chúng sinh từ đâu đến rồi đi

về đâu? Từ đâu mà sinh rồi do đâu mà tử? Thế giới là hữu biên hay vô biên? Là có thể đoạn hay bất khả đoạn? Trời, rồng, người, quỷ là do ai tạo ra? Kinh A-hàm nói: Một sĩ phu ở thành Vương xá bên ao Câu-hi-la tư duy “Thế gian là hữu biên hay vô biên?” chợt thấy bốn binh trốn vào trong lỗ ngó sen, mà tự sợ hãi nghĩ: ta bị cuồng ư? Ở thế gian không có sự loạn cuồng này, liền đi hỏi Phật. Phật dạy: Chẳng phải cuồng, mà là loài Tu-la bị chư thiên đuổi chạy trốn vào trong lỗ ngó sen. Đây chính là thế gian tư duy, chẳng phải đạo Niết-bàn, không có nghĩa lợi ích, không pháp lợi ích, không phạm hạnh lợi ích...

Rồng phun mưa, là từ mắt mũi miệng lưỡi lỗ tai phun ra ư? Thật chẳng phải từ các thứ như vậy mà chỉ từ ý niệm mà lưu xuất ra. Niệm thiện niệm ác đều có thể lưu xuất ra mưa, do bản hạnh trước cho nên nay được lực này. Giữa núi Tu-di có trời gọi là Đại lực, cũng có thể làm mưa. Lại, kinh nêu ra năm đường, mỗi một đều có nghĩa bất khả tư nghì. Địa ngục có đoạn, tục (đứt, nối), súc sinh có thể bay, quỷ có thể biến ít thành nhiều, người có thể khiến đốt cháy củi, trời có thể tự nhiên hưởng quả báo, đều là pháp sự quả báo bất khả tư nghì... Đây là căn cứ việc nhân duyên mà giải thích bất khả tư nghì, hướng chi cảnh giới thậm thâm đâu chẳng phải là bất khả tư nghì ư!

Kệ có hai mươi một hàng chia làm hai phần: Mười bảy hàng rưỡi đầu là tụng trường hàng. Ba hàng rưỡi sau là lược khai tam hiển nhất, động chấp sinh nghi. Mười bảy hàng rưỡi đầu lại chia làm hai: Bốn hàng đầu, tụng khen có nói. Mười ba hàng rưỡi sau, tụng khen dứt nói. Xét rằng kệ tụng và trường hàng xen lẫn nhau có rộng có lược, khiến cho nghĩa dễ hiển bày rõ thôi! Văn trường hàng nêu hai Phật, quyền thật đều tán thán tiêu biểu sự hóa duyên có sai khác, cho nên trong phần tụng hai đức Phật hợp chung tán thán, chỉ bày lý Nhị trí đồng. Trong phần Khen có nói lại chia làm hai: Một là, hai hàng hợp tụng Nhị trí của hai Phật. Hai là, hai hàng hợp tụng hai Phật, giải thích tán thán và tổng kết tán thán... Hai hàng đầu lại chia làm hai: nay giải thích câu đầu “Thế hùng” là tụng trí tuệ chư Phật bên trên. “Bất khả lượng” là tụng thậm thâm vô lượng bên trên, đây là tụng thật trí của chư Phật. Tiếp ba câu là tụng quyền trí của chư Phật bên trên. Đây có ba điều sai khác:

1. Trường hàng thì nêu người và nêu pháp cho nên nói “chư Phật trí tuệ”, nay tụng chỉ tụng người, đem người để làm tốt pháp cho nên nói “Thế hùng”.

2. Trên khai thán, nay hợp thán. Bởi nêu pháp và người riêng biệt, cho nên phải khai, chỉ nêu người cho nên phải hợp.

3. Trên nói hết thấy hàng nhị thừa không biết, nay nói tất cả loài chúng sinh không biết. Từ “Phật lực vô sở úy” trở xuống, một hàng sau, là tán thán nhị trí của đức Thích-ca. “Phật” là tụng lại câu “Từ khi ta thành Phật” ở trên, chính tụng thật trí, “lực vô sở úy...” là tụng các công đức, là tụng quyền trí, “các pháp khác” tức chỉ quyền hóa tha, là các thứ khác trợ giúp thật trí, chính tụng các thứ nhân duyên trên... Từ câu “Vốn từ” trở xuống sau hai hàng, hợp tụng hai ý giải thích khen và kết khen Phật. “Vốn từ vô số Phật, đầy đủ tu các đạo” là tụng phần giải thích tán thán chư Phật bên trên: “đức Phật đã từng thân cận trăm ngàn chư Phật trọn tu hết thấy đạo pháp”. “Pháp thậm thâm vi diệu” là tụng phần kết thán thật bên trên: “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có”. “Khó thấy khó rõ được” là tụng kết thán pháp quyền bên trên: “ý thú khó hiểu”. “Trong vô lượng ức kiếp, tu các đạo đó rồi” là tụng phần trên nói “đức Thích-ca tri kiến Ba-la-mật đều đã được đầy đủ”. Hai câu trên nêu nhân tu hành đầy đủ, một câu tiếp theo nêu quả đầy đủ, một câu “Ta đều đã thấy biết” là tụng phần kết nhị trí của đức Thích-ca bên trên: “tri kiến của Như Lai rộng lớn”. Hoặc có khi dùng bốn câu kệ hợp tụng hai trí quyền thật của Phật bên trên, văn chia làm sáu: 1. “Thế hùng...” một câu, là tổng tụng hai trí của hai Phật. 2. “Chư thiên cùng người đời” trở xuống, ba câu: tụng nêu người. 3. “Phật lực” trở xuống, một hàng: tụng đức Thích-ca giải thích quyền thật. 4. “Vốn từ” trở xuống, một hàng: tụng chư Phật giải thích quyền thật. 5. “Trong vô lượng” trở xuống, nửa hàng: là tụng hành nhân bên trên. 6. “Đạo tràng được chứng quả” trở xuống, hai câu: tụng đắc quả bên trên. Từ “Quả, báo lớn như vậy” có mười ba hàng rưỡi tụng phần Khen dứt nói bên trên. Văn chia làm năm phần:

1. Nửa hàng đầu “Quả, báo lớn như vậy” tức tụng cảnh bất tư nghì, chỉ nêu đầu và cuối của “thập như thị”, giữa thì lược, có thể biết, chữ “nghĩa” là tụng “cứu cánh đẳng”. Chữ “đại” trong câu một và “chủng chủng” trong câu hai như trong Huyền Nghĩa nói.

2. “Ta cùng mười phương Phật” nửa hàng, tụng lại phần: “Tóm yếu mà nói... đức Phật đều thành tựu”.

3. “Pháp đó không chỉ được” nửa hàng, tụng lại phần bên trên: “Thôi! Không cần nói nữa”, thật tướng chẳng có nơi chốn, cho nên không chỉ bày được, không có đường ngôn ngữ cho nên nói “Vắng bật tướng nói năng”.

4. Từ “Các loại chúng sinh khác” trở xuống, mười hàng rưỡi kệ: tụng nêu người không biết, bởi vì văn trường hàng bên trên nêu “Không

người nào biết nổi, cho nên “Thôi! không nói””: Trong phần tụng này nêu các hạng người không biết, văn chia làm tám phần nhỏ:

Nửa bài kệ đầu, thì nêu chung người không thể nhập, tức bảy phương tiện.

Hai câu từ “Trừ các chúng Bồ-tát” nêu người năng nhập, tức Viên giáo thập tín cho nên nói: “Người sức tin bền chặt”. Trường hàng thì nêu: “chỉ có Phật mới biết rốt ráo”, trong bài tụng thì nêu: “hàng sơ tín biết”, nêu xen nhau đó thôi!

“Các hàng đệ tử Phật” trở xuống, có một hàng rười: nêu nhĩ thừa không biết,

“Giả sử đầy thế gian” trở xuống, một hàng nêu Thân-tử không biết.

“Dù cho khắp mười phương” trở xuống, một hàng rười: nêu các đại đệ tử Phật cũng không biết.

“Bích-chi-Phật trí lanh” trở xuống. hai hàng: nêu Bích-chi-phật cũng không hiểu.

“Bồ-tát mới phát tâm” trở xuống, hai hàng rười nêu Bồ-tát phát tâm cũng không biết. “Phát tâm” là nói chung. Hoặc là có thể Bồ-tát lục độ trải qua ba A-tăng-kỳ mà chưa đoạn lậu hoặc, gọi là phát tâm. Hoặc là có thể riêng chỉ trong hàng nhân thiên bên trên tự nhiếp được lục độ mà phát tâm. Chung cũng như riêng, đều là phát tâm.

“Hàng bất thoái Bồ-tát” trở xuống, một hàng: nêu Bất thoái Bồ-tát cũng không biết. Thông giáo bất thoái đoạn giới nội Hoặc, cho nên không biết Biệt lý. Biệt giáo địa tiền cũng có chứng Vị bất thoái và Hạnh bất thoái, cũng không biết.

5. “Lại bảo Xá-lợi-phất, vô lậu bát tư nghi” trở xuống, một hàng rười, tụng phần bên trên: “pháp khó hiểu chỉ có Phật mới biết cảnh thật tướng”. “Vô lậu bát tư nghi” tụng phần bên trên: kết tóm yếu quyền thật và cảnh “bảo Thôi!”. Một câu “Pháp thậm thâm vi diệu” là tụng văn bên trên “pháp đệ nhất hy hữu khó hiểu”. “Ta nay đã đắc đủ” trở xuống, ba câu tụng phần bên trên: “chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột”. Nêu rõ chư Phật đạo đồng, đồng đều cứu cánh, cho nên nói “Chỉ ta biết tướng đó, Mười phương Phật cũng vậy” là giải thích bất khả tư nghi, như ngọc như ý không có sở hữu một hào ly mà có thể mưa các báu, thật tướng không sinh mà năng sinh Bát-nhã. “Vô lậu bát tư nghi”, một hàng rười làm gốc, sinh ra bốn thứ giải thích, như trên nói. Từ “Vô lậu” nửa câu, giải thích mười pháp giới là gốc, mười như của mười pháp giới thấu tóm hết Lý tánh các phàm thánh không

sai sót, thâm tóm tam đế không sai sót, quyền thật trí không sai sót. Căn cứ bất tư nghi làm khai hiệp giải thích làm gốc tức quyền mà thật tức thật mà quyền cho nên nói bất khả tư nghi. Căn cứ pháp thậm thâm vi diệu dùng Phật pháp giới giải thích làm gốc đây có thể biết, ước theo câu “chỉ ta biết tướng đó” là ước về địa vị giải thích làm gốc đây cũng có thể biết...

Từ “Xá-lợi-phất nên biết, lời chư Phật không khác” trở xuống, ba hàng rưỡi, là lược khai tam hiển nhất động chấp sinh nghi. Căn cứ khai hiển, chia làm hai. Ban đầu nêu chư Phật hiển thật, sau nêu Đức Thích-ca khai tam, xen nhau nêu nhất biên đó thôi! “Lời chư Phật không khác”, đây luận về chư Phật hóa đạo đồng. Tiếp đến hai câu khuyến tín, hai câu sau chính hiển bày thật, “Pháp của Phật lâu sau, cần phải nói chân thật” tức hiển chân, động cái chấp ngày xưa, sinh cái nghi ngày nay. “Nhất định chẳng phải ma làm Phật”, chính do nghe lời này, đức Phật đã dùng lời chân thật khuyến tín, vì sao trở lại nghi? Vì phòng ngừa do nghi mà khởi tâm phỉ báng, cho nên phải khuyến tín.

Từ “Bảo các chúng Thanh văn” trở xuống, là nêu đức Thích-ca khai tam. Văn chia làm ba phần: Một hàng đầu chính nêu khai tam, muốn nêu cái sai lầm của nhị thừa, cho nên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”. Lại, giải thích “Ta khiến cho thoát khổ, đến chứng đắc Niết-bàn” là nêu lục độ Bồ-tát thừa. Vì sao biết? Vì tu hạnh lục độ thì thoát sự trói buộc trong bốn đường, nhưng chưa thể nhập diệt độ mà phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp và một trăm kiếp mới đắc Niết-bàn, nói “đến” là còn lâu xa mới kịp. Lại, hành lục độ thì trước là độ người, cho nên nói “Ta khiến cho thoát khổ”, sau mới được vô lậu cho nên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”. Nghĩa đây suy nghĩ thì biết là Lục độ thừa. Lại, dùng số để suy tìm thì thấy ở câu dưới “Phật dùng phương tiện lược, dạy cho ba thừa giáo”. Nếu không có ý chỉ đó thì sao gọi là ba? Không nên thêm số nhị thừa làm tam thừa. Tiếp đến nửa hàng, chính bài xích tam thừa đều là hư giả. Tiếp hai câu, nêu ý lập ra giáo Tam thừa. Ý đó là quyền dẫn là các khổ, chẳng phải là chân thật, chỉ là cửa phương tiện mà thôi!

Từ “Lúc bấy giờ trong đại chúng” trở xuống, là chúng khởi nghi đến thỉnh hỏi, do nghe nói ba thừa đó là nguy, chỉ có một chân, chấp động sinh nghi. Văn làm hai phần: 1. Trình bày nghi. 2. Chính thỉnh quyết định. Phần Trình bày nghi lại chia làm hai phần nhỏ: Một là kinh gia trình bày, Hai là chính sinh nghi. Phần nhỏ một: nêu chúng một ngàn hai trăm người đều nghi, tiếp theo là nêu bốn chúng. Trên đã chê tam thừa đều là phương tiện. Bây giờ trình bày nghi chỉ ở hàng nhị thừa,

do chấp nặng nghi sâu nên riêng nêu lên, như đến phần dưới trình bày nghi, tức nói: “Bồ-tát cầu thành Phật, số nhiều có tám muôn”, cũng đều có nghi, cho nên biết là hàng tam thừa đều nghi mà lại riêng nêu nhị thừa đó thôi! Từ “Đều nghĩ rằng” trở xuống, là chánh nghi, lại chia làm hai phần: 1. Nghi Phật nhị trí. 2. Nghi mình sở đắc. Từ “cớ sao ân cần ngợi khen phương tiện” tức là tổng nghi quyền thật nhị trí. Từ “mà nói rằng pháp của Phật chứng rất sâu xa” là nghi thật trí, “có nói ra thì ý thú cũng khó biết” trở xuống là nghi quyền trí. Do nghe “Lời chư Phật không khác, Cần phải nói chân thật”, từ đây sinh nghi: vì sao Phật xưa thuyết, hàng tam thừa trí tuệ đồng chứng không sai khác, chỉ là tập khí còn sót lại hết hoặc chưa hết, mà nay bỗng xưng tán Nhị trí của Như Lai chẳng phải là điều ta theo kịp. Vì vậy cho nên nghi nhị trí của Phật. Từ “Phật thuyết một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng chứng được pháp đó” trở xuống, đây là tự nghi sở đắc. Tam thừa thánh đạo đúng là con đường quan trọng để giải thoát khỏi vòng sinh tử, ta tu lý này cũng đạt đến Niết-bàn, mà nay bỗng nói đều là phương tiện, chưa biết chân thật là thế nào? cho nên nói “chẳng biết nghĩa ấy về đâu?” Trên đây là chê Tam thừa là giả mà sinh nghi.

(Nhĩ thời) “Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất” trở xuống là phần thứ hai: Chánh thỉnh. Văn có ba phen thỉnh, hai lần bảo “Thôi!”. Kể cả văn trước thì gồm ba lần “thôi”, Dao sư và sư Long nói: Lần “thôi” ban đầu vì lý sâu khó hiểu, nên lần thỉnh ban đầu là vì tự tha cầu quyết nghi. Lần “thôi” thứ hai vì chúng kinh sợ nghi ngờ không tin, lần thỉnh thứ hai vì số đông chúng đã từ lâu gieo trồng trí tuệ ít hiểu được. Lần “thôi” thứ ba vì chúng hủy báng sẽ đọa đường ác, lần thỉnh thứ ba vì lợi căn được lợi ích. Nay các sư có khi nói: Phật dự biết trước ba lần được lợi ích trước sau không đồng, cho nên ba phen “thôi” là đợ ba phen thỉnh vậy.

Lần thỉnh ban đầu, văn chia làm hai phần: 1. Trường hàng. 2. Kệ tụng.

Trường hàng lại chia làm hai: 1. Trình bày nghi. 2. Trình bày thỉnh. Trình bày nghi là nghi nhị trí. Trình bày thỉnh, là mình thỉnh và chúng thỉnh.

Phần tụng có mười một hàng kệ, văn chia làm sáu: 1. Hai câu tụng nghi thật trí. 2. “Tự thuyết pháp mình chứng” trở xuống, ba hàng: tụng nghi quyền trí. 3. “Hàng vô lậu La-hán” trở xuống, ba hàng: nêu tam thừa tứ chúng có nghi. Câu đầu nói La-hán, hai hàng cuối nêu Duyên giác, khoảng giữa gọi là “Cùng người cầu Niết-bàn” tức là nêu lục độ Bồ-tát. Vì sao biết được? Trên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”, trong

đây gọi là “cùng”. “Cùng” là Bồ-tát đây tự cầu Niết-bàn, lại vì “cùng” người khác, cho nên khác nhị thừa, thì biết là Bồ-tát. 4. “Trong các chúng Thanh văn” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu Thân-tử nghi. 5. “Con từ miệng Phật sinh” trở xuống, một hàng nêu rõ Phật tử nghi. 6. “Các trời rồng thần quỷ” trở xuống, hai hàng tổng nêu đồng nghi thỉnh. Xét rằng kệ tụng và trường hàng có thể lấy ý suy tìm, nếu không ở tụng thì ở trường hàng, đối với nghĩa chẳng cần gấp, không được rườm rà chia chẻ lời văn, cho nên lược thôi! Từ “Lúc ấy Đức Phật bảo” trở xuống, là hai lần bảo “thôi”, lại trình bày nghi để thỉnh, tất cả đều như văn kinh...

